

Số: 50 /QĐ-LĐT BXH

Biên Hòa, ngày 28 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC CÔNG BỐ CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2020 CỦA PHÒNG LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5430/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa về việc điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2020;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán tài vụ phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2020 của phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Biên Hòa (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán tài vụ và các bộ phận chuyên môn trực thuộc Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch TP;
- Các bộ phận chuyên môn;
- Lưu: VT; KTTV.



Nguyễn Kim Bích Huyền

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội thành phố Biên Hòa**
Chương: **624**

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số **50** /QĐ-LĐTĐ ngày **28** tháng **9** năm **2018** của Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội TP. Biên Hòa)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	-60.386.264
1	Chi quản lý hành chính	-55.886.264
1.1	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	<i>-34.278.264</i>
1.1.1	-Kinh phí hoạt động thường xuyên	-34.278.264
	Tiết kiệm thêm 10% còn lại chi thường xuyên trong năm theo Nghị Quyết số 84/NQ-CP	-34.278.264
1.2	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	<i>-21.608.000</i>
1.2.1	-Kinh phí hoạt động Ban VSTBPN	-9.000.000
	Tiết kiệm thêm 10% còn lại chi thường xuyên trong năm theo Nghị Quyết số 84/NQ-CP	-9.000.000
1.2.2	-Kinh phí tranh chấp lao động tập thể	-378.000
	Tiết kiệm thêm 10% còn lại chi thường xuyên trong năm theo Nghị Quyết số 84/NQ-CP	-378.000
1.2.3	-Kinh phí thù lao cho hòa giải viên	-2.430.000
	Tiết kiệm thêm 10% còn lại chi thường xuyên trong năm theo Nghị Quyết số 84/NQ-CP	-2.430.000
1.2.4	-Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc	-9.800.000
	Tiết kiệm thêm 10% còn lại chi thường xuyên trong năm theo Nghị Quyết số 84/NQ-CP	-9.800.000
2	Chi các sự nghiệp	-4.500.000
2.1	Sự nghiệp đào tạo	-4.500.000
	Tiết kiệm thêm 10% còn lại chi thường xuyên trong năm theo Nghị Quyết số 84/NQ-CP	-4.500.000